

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2024/HS-ST  
Ngày 19-4-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nông Biên Hòa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Đoàn Kim Cúc,

Ông Hoàng Đàm Thanh.

**- Thư ký phiên toà:** Ông Hoàng Trung Đức, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:** Bà Mã Thị Mộng, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại Điểm cầu trung tâm: Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng, điểm cầu thành phần: Trại tạm giam Công an tỉnh C xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2024/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

**Trần Chính C** (tên gọi khác: Không). Sinh ngày 05 tháng 01 năm 1990 tại Thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn B, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Chính T, sinh năm 1957 và bà Đỗ Thị T1, sinh năm 1959; vợ: Trần Thị Thanh H, sinh năm 1993; con: 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014;

Tiền án: Bản án số 152/2021/HS-ST ngày 23/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Trần Chính C 01 năm 04 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Tiền sự: Không có.

Nhân thân: Năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên

Quang tuyên phạt 08 tháng tù cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản; năm 2014 và năm 2020 bị Công an huyện Y, Tuyên Quang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; năm 2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/12/2023 đến nay; hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh C; có mặt.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* ông Trần Chính T, sinh năm 1957, Nơi cư trú: Thôn B, T, Y, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11h00 ngày 15/12/2023, tổ công tác Công an huyện H phối hợp với Công an xã T, Công an thị trấn T, huyện H làm nhiệm vụ tại Bản Khau, T, H thì phát hiện xe ô tô biển kiểm soát 29A- 363.03 đang di chuyển theo hướng từ Bản K, xã T đi vào khu vực biên giới có dấu hiệu nghi vấn liên quan đến hoạt động xuất nhập cảnh trái phép nên tiến hành dừng xe kiểm tra. Kết quả phát hiện: Lái xe là Trần Chính C, sinh năm 1990, trú tại thôn B, T, Y, Tuyên Quang, ngồi bên ghế phụ là Nông Đức D, sinh năm 1991, trú tại thôn A, xã S, huyện B, Bắc Kạn, trên xe còn có 04 người đàn ông Trung Quốc, bao gồm: Trần Quý M, sinh năm 1982; Trần Chí B, sinh năm 1995; Trần Trung P, sinh năm 1996 cùng trú tại thôn P, hương P, huyện A; Chiêm C, sinh năm 1983, trú tại thị trấn T, huyện H cùng tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc không có giấy tờ xuất nhập cảnh hợp pháp theo quy định của pháp luật, tổ công tác đã đưa người và phương tiện về trụ sở để tiếp tục làm rõ.

Mở rộng điều tra vụ án đã xác định được như sau:

Khoảng tháng 7/2023, Trần Chính C đến khu vực gần cửa khẩu C1, Lạng Sơn để làm việc thì gặp và quen biết một người đàn ông tự giới thiệu tên là Tuấn A, làm nghề lái xe tải, nhà ở thành phố L nhưng không rõ họ và địa chỉ cụ thể, có kết bạn với nhau qua W, người này sử dụng tài khoản là “NHÀ XE TUẤN ANH CB LS”. Ngày 14/12/2023, người này liên lạc qua W đặt vấn đề thuê C đón 04 người Trung Quốc từ thành phố C chở vào khu vực biên giới huyện H để họ xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, hứa hẹn trả tiền công là 3.500.000đ, sẽ được nhận tiền công trực tiếp từ người đón ở khu vực biên giới nên C đồng ý. Sau đó, điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 29A- 363.03 từ Tuyên Quang qua huyện C, Bắc Kạn rủ Nông Đức D cùng lên Cao Bằng chơi nhưng không nói cho D biết việc C lên Cao Bằng để đón và chở người nhằm xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc thì được D đồng ý. Khoảng 01 giờ ngày 15/12/2023, sau khi uống rượu với nhau xong thì C điều khiển xe ô tô chở D lên Cao Bằng, đến 05 giờ ngày 15/12/2023,

C đưa D đến thuê phòng nghỉ tại nhà nghỉ P1 ở tổ A, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (gần bến xe liên tỉnh thành phố). Sau khi đến Cao Bằng, C liên lạc qua wechat thông báo cho Tuấn A biết thì được yêu cầu gửi mã QR của C cho Tuấn A, đồng thời dặn C là sẽ có một tài khoản Wechat kết bạn và hướng dẫn vị trí đón, giao người. Một lúc sau, có tài khoản “DML” kết bạn với C, người sử dụng tài khoản này gửi một định vị vị trí cho C và yêu cầu chờ người đến đó. Khoảng 09 giờ cùng ngày, C trả phòng nghỉ, yêu cầu Tuấn A gọi khách xuống, sau đó có 04 người đàn ông Trung Quốc lên xe của C. Khi C điều khiển xe ô tô chờ theo D và nhóm người Trung Quốc vào đến địa phận B, xã T, huyện H theo yêu cầu của người sử dụng tài khoản “DML” thì bị lực lượng chức năng phát hiện, ngăn chặn.

Đối với đối tượng tên Tuấn A đã liên hệ thuê C đón và chở người Trung Quốc vào khu vực biên giới để xuất cảnh trái phép và người sử dụng tài khoản Wechat “DML” đã hướng dẫn địa điểm giao người cho C, ngoài lời khai của C thì không có tài liệu nào khác. C cũng không biết thông tin về họ tên, địa chỉ cụ thể nên không đủ căn cứ để tiếp tục điều tra làm rõ.

Đối với Nông Đức D được cùng C lên Cao Bằng, cùng ngồi xe với C chở nhóm người Trung Quốc vào huyện H nhưng D không biết mục đích của C chở họ đến đó để làm gì, C cũng không nói cho D biết họ là những người có ý định xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc nên Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý đối với D là có căn cứ.

Tại bản cáo trạng số: 22/CT-VKSCB-P1 ngày 20/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Trần Chính C tội: “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

*Tại phiên toà, bị cáo Trần Chính C thừa nhận cáo trạng phản ánh đúng hành vi phạm tội của bị cáo. Về chiếc xe ô tô cơ quan công an tạm giữ là của bố bị cáo mua, bị cáo không có đóng góp gì, việc bị cáo sử dụng xe trên để đưa đón người xuất cảnh trái phép bố bị cáo không biết, đề nghị Tòa xem xét trả xe cho bố bị cáo.*

Tại cơ quan điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Chính T trình bày: Chiếc xe ô tô biển kiểm soát 29A-363.03, loại xe: Ô tô con, nhãn hiệu: TOYOTA, số loại IN NOVA G là do ông mua lại bằng tiền của vợ chồng ông tích góp được mua, mua lại xe cũ, chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ, chủ xe là Nguyễn Văn Q, ông không quen biết chủ xe mua qua trung gian môi giới tại cửa hàng xe cũ, việc mua bán có viết giấy tờ, mua xe để phục vụ việc sinh hoạt gia đình, thường ngày xe để ở nhà khi nào có khách cần đi đâu thì tôi chở đi. Con trai ông không có công ăn việc làm ổn định, mới đi chấp hành án về, đến ngày 14/12/2023 con trai sử dụng xe, việc con trai ông là Trần Chính C sử dụng chiếc xe trên đưa đón người Trung Quốc xuất cảnh trái phép ông không biết. Đề nghị Tòa xử trả lại chiếc xe này cho ông.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trần Chính C về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật đã viện dẫn nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Chính C phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”; về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 15 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Chính C từ 36-42 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

*Về vật chứng* : Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự để xử lý vật chứng của vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu đối với bị cáo để hóa giá lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A04S.

- Trả cho bị cáo: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REDMI NOTE 9 5G của bị can Trần Chính C.

- Trả lại cho ông Trần Chính T sinh năm 1957, Nơi cư trú: Thôn B, T, Y, tỉnh Tuyên Quang: 01 xe ô tô biển kiểm soát 29A-363.03.

*Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bị cáo Trần Chính C không có lời bào chữa, không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo Trần Chính C và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội:

Xét lời khai nhận tội của bị cáo Trần Chính C tại phiên tòa là có căn cứ; phù hợp với các tài liệu chứng cứ như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Trần Chính C do cơ quan Công an lập hồi 13 giờ 00 phút ngày 15/12/2023; Phù hợp với các bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung; Phù hợp với lời khai của người làm chứng Nông Đức D về thời gian, địa điểm đón người;

Phù hợp với lời khai của 04 công dân xuất cảnh trái phép; Trích xuất dữ liệu điện tử từ chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo thể hiện nội dung liên quan đến hành vi bị cáo thực hiện cùng với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét các tài liệu chứng cứ phù hợp nhau về thời gian, địa điểm, mục đích thực hiện hành vi; các tài liệu chứng cứ được thu thập khách quan, đúng trình tự thủ tục tố tụng. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận:

Ngày 15/12/2023, Trần Chính C đã nhận lời của người đàn ông tên Tuấn A đề đón và chở 04 người đàn ông Trung Quốc từ nhà nghỉ P1 ở tổ A, phường Đ, thành phố C vào khu vực biên giới thuộc huyện H nhằm xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Khi C đang điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 29A- 363.03 chở theo Nông Đức D cùng nhóm người Trung Quốc vào đến khu vực thuộc Bản K, xã T, huyện H thì bị Công an huyện H phát hiện, bắt quả tang. Do không thực hiện trốn lọt nên C chưa nhận được tiền công.

Hành vi đón để đưa người Trung Quốc vượt biên sang nước Trung Quốc mà không làm thủ tục xuất cảnh với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật vì động cơ vụ lợi là vi phạm pháp luật. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp; Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội phạm về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng; Hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an địa phương.

Do vậy, việc đưa bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu. Năm 2012 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tuyên phạt 08 tháng tù cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản; năm 2014 và năm 2020 bị Công an huyện Y, Tuyên Quang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác; năm 2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Hành vi tổ chức đón, đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc của bị cáo thực hiện chưa trót lọt, nên thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, cần áp dụng Điều 15, khoản 3 Điều 57 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[4] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm, hậu quả do hành vi phạm tội; Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng, nhân thân rất xấu và căn cứ vào tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự; xét cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đảm bảo giáo dục, cải tạo bị cáo và sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời để giáo dục phòng ngừa chung.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, nên cần chấp nhận.

[5] Về các vấn đề khác:

Đối với đối tượng tên Tuấn A đã liên hệ thuê C đón và chở người Trung Quốc vào khu vực biên giới để xuất cảnh trái phép và người sử dụng tài khoản Wechat “DML” đã hướng dẫn địa điểm giao người cho C, ngoài lời khai của C thì không có tài liệu nào khác. C cũng không biết thông tin về họ tên, địa chỉ cụ thể nên không đủ căn cứ để tiếp tục điều tra làm rõ.

Đối với Nông Đức D được cùng C lên Cao Bằng, cùng ngồi xe với C chở nhóm người Trung Quốc vào huyện H nhưng D không biết mục đích của C chở họ đến đó để làm gì, C cũng không nói cho D biết họ là những người có ý định xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc nên Cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý đối với D là có căn cứ.

[6] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”*, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng một trong các hình phạt bổ sung trên đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe ô tô biển kiểm soát 29A-363.03, loại xe: Ô tô con, nhãn hiệu: TOYOTA, số loại INNOVA G, màu sơn: Bạc, dung tích xi lanh: 1998cm<sup>3</sup>, số máy: 1TR7146478, số khung: RL4XW43G0B9306595, số chỗ ngồi: 8, năm sản xuất: 2011; xe cũ đã qua sử dụng, vỏ xe có nhiều vết xước, bên trái đầu xe bị móp vỡ do đâm đụng đã cũ, có 01 chìa khóa xe kèm theo. Quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định nguồn gốc mua chiếc xe trên do bố bị cáo là ông Trần Chính T bỏ tiền mua xe, mua lại xe cũ, chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ, chủ xe là Nguyễn Văn Q, con trai ông là Trần Chính C không có đóng góp gì; việc ông T mua xe để phục vụ sinh hoạt gia đình. Ngày 14/12/2023 Trần Chính C sử dụng chiếc xe này để

thực hiện hành vi phạm tội ông T không biết, không có lỗi. Do vậy, cần xử trả toàn bộ chiếc xe ô tô trên cho ông Trần Chính T.

- Đối với 02 điện thoại di động của bị cáo trong 01 phong bì được niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A04S và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REDMI NOTE 9 5G của bị can Trần Chính C”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và 04 hình dấu đỏ của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C. Quá trình điều tra xác định được 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A04S liên quan đến hành vi phạm tội, cần tịch thu hóa giá lấy tiền nộp ngân sách nhà nước; còn 01 điện thoại di động nhãn hiệu REDMI NOTE 9 5G không liên quan đến hành vi phạm tội, cần xử trả bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Tuyên bố:** Bị cáo Trần Chính C phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”.

Căn cứ khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 15; khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Chính C: 42 tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam là ngày 15/12/2023.

**2. Về xử lý vật chứng:** Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xử:

- *Tịch thu đối với bị cáo để hóa giá lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước:* 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A04S được niêm phong trong 01 phong bì được niêm phong theo quy định, mặt trước ghi “01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A04S và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REDMI NOTE 9 5G của bị can Trần Chính C”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và 04 hình dấu đỏ của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C.

- *Trả cho bị cáo:* 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REDMI NOTE 9 5G của bị can Trần Chính C được niêm phong trong 01 phong bì ghi “01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A04S và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu REDMI NOTE 9 5G của bị can Trần Chính C”, mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia niêm phong và 04 hình dấu đỏ của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh C.

- *Trả lại cho ông Trần Chính T* sinh năm 1957, Nơi cư trú: Thôn B, T, Y, tỉnh Tuyên Quang: 01 xe ô tô biển kiểm soát 29A-363.03, loại xe: Ô tô con, nhãn hiệu: TOYOTA, số loại INNOVA G, màu sơn: Bạc, dung tích xi lanh: 1998cm<sup>3</sup>, số máy: 1TR7146478, số khung: RL4XW43G0B9306595, số chỗ ngồi: 8, năm

sản xuất: 2011; xe cũ đã qua sử dụng, vỏ xe có nhiều vết xước, bên trái đầu xe bị móp vỡ do đâm đụng đã cũ, có 01 chìa khóa xe kèm theo.

Qua kiểm tra thực tế số khung, số máy của xe ô tô trùng khớp với Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 28/12/2023 của Phòng CSGT Công an tỉnh C.

Xác nhận toàn bộ vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng số: 78 ngày 04 tháng 4 năm 2024.

**3. Về án phí:** Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Công văn số 206/TANDTC-PC ngày 27/12/2022 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc Thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong công tác xét xử.

Bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước.

**4. Về quyền kháng cáo:** Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Trần Chính C có quyền kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo phần Bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- Cục THA dân sự tỉnh Cao Bằng;
- Trại tạm giam CA tỉnh Cao Bằng (PC11);
- CQANĐT-CA tỉnh Cao Bằng (PA09);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh (PV06);
- P.THAHS-HTTP CA tỉnh Cao Bằng (PC10);
- Phòng KTNV&THA (02);
- Người TGTT;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu tòa HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nông Biên Hòa**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN  
TOÀ**

**Nông Thị Vân**

**Đặng Quang  
Tùng**

**Nông Biên Hòa**